

ĐỀ THI MÔN HÓA HỌC, HỌC KỲ II, LỚP 9

Đề số 1 (Thời gian làm bài: 45 phút)

I. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ A hoặc B, C, D trước phương án chọn đúng.

Câu 1. Dãy các chất đều làm mất màu dung dịch nước brom là

- A. C₂H₂, C₆H₆, CH₄.
- B. C₂H₂, CH₄, C₂H₄.
- C. C₂H₂, C₂H₄.
- D. C₂H₂, H₂, CH₄.

Câu 2. Dãy các chất đều tác dụng được với dung dịch H₂SO₄ là

- A. Na₂CO₃, Ca(HCO₃)₂, Ba(OH)₂.
- B. NaHCO₃, Na₂SO₄, KCl.
- C. NaCl, Ca(OH)₂, BaCO₃.
- D. AgNO₃, K₂CO₃, Na₂SO₄.

Câu 3. Dung dịch HCl có thể tác dụng với chất nào sau đây ?

- A. Na₂CO₃ ; B.KCl ; C. Cu ; D. Ag

Câu 4. Dãy các kim loại đều tác dụng với dung dịch CuSO₄ là

- A. Mg, Al, Cu. B. Al, Fe, Mg.
- C. Al, Fe, Ag. D. Ag, Al, Cu.

Câu 5. Dung dịch ZnCl₂ có tạp chất CuCl₂ có thể dùng chất nào trong các chất sau đây để loại tạp chất trên ?

- A. Fe ; B. Zn ; C. Cu ; D. Al

Câu 6. Thuốc thử nào sau đây để nhận ra rượu etylic và axit axetic ?

- A. Na ; B. Na₂CO₃ ; C. NaCl ; D. KCl

II. Tự luận (7 điểm)

Câu 7. Viết phương trình hoá học thể hiện những chuyển hoá sau :

(1) (2) (3) (4)

Saccarozơ → Glucozơ → rượu etylic → axit axetic → natri axetat.

Câu 8. (2 điểm) Để điều chế axit axetic người ta có thể lên men 1,5 lit rượu etylic 20°

- a) Tính thể tích rượu etylic nguyên chất đã dùng. Biết D = 0,8 g/ml
- b) Tính khối lượng axit axetic tạo thành.

Câu 9. (3 điểm)

Đốt cháy hoàn toàn 3 gam chất hữu cơ A. Thu được 8,8 g khí CO₂ và 5,4 g H₂O.

- a) Trong chất hữu cơ A có những nguyên tố nào ?
- b) Biết phân tử khối của A nhỏ hơn 40. Tìm công thức phân tử của A.
- c) Chất A có làm mất màu dung dịch brom không ?
- d) Viết PTHH của A với clo khi có ánh sáng.

(Cho biết : C = 12, H = 1, O = 16)

2

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 2 - LỚP 9

MÔN : HÓA HỌC

Thời gian làm bài: 45 phút

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4 điểm)

Hãy khoanh tròn một trong các chữ A, B, C, D trước phương án chọn đúng.

Câu 1. Khí clo phản ứng được với tất cả các chất trong dãy nào sau đây tạo sản phẩm là muối?

- | | |
|------------------------------|--|
| A. Fe, KOH, H ₂ O | C. Cu, Al, H ₂ O |
| B. KOH, Fe, Al | D. H ₂ , Ca(OH) ₂ , Mg |

Câu 2. Cacbon phản ứng với tất cả các chất trong dãy nào sau đây đều tạo sản phẩm có đơn chất kim loại ?

- | | |
|---|---|
| A. Fe, CuO, O ₂ | C. PbO, ZnO, Fe ₂ O ₃ |
| B. Ca, Fe ₂ O ₃ , CuO | D. H ₂ , CuO, PbO |

Câu 3. Cặp chất nào sau đây tồn tại được trong cùng một dung dịch?

- | | |
|--|---|
| A. K ₂ CO ₃ và HCl | C. NaNO ₃ và KHCO ₃ |
| B. K ₂ CO ₃ và Ca(OH) ₂ | D. KHCO ₃ và NaOH |

Câu 4. Dãy nào sau đây gồm các chất đều có thể làm mất màu dung dịch brom?

- | | |
|--|--|
| A. CH ₄ , C ₆ H ₆ | C. CH ₄ , C ₂ H ₂ |
| B. C ₂ H ₄ , C ₂ H ₂ | D. C ₆ H ₆ , C ₂ H ₂ |

Câu 5. Dãy nào sau đây gồm các chất đều phản ứng với dung dịch NaOH?

- | | |
|--|---|
| A. CH ₃ COOH, (-C ₆ H ₁₀ O ₅ -) _n | C. CH ₃ COOH, C ₆ H ₁₂ O ₆ |
| B. CH ₃ COOC ₂ H ₅ , C ₂ H ₅ OH | D. CH ₃ COOH, CH ₃ COOC ₂ H ₅ |

Câu 6. Dãy nào sau đây gồm các chất đều phản ứng với kim loại natri?

- | | |
|--|--|
| A. CH ₃ COOH, (-C ₆ H ₁₀ O ₅ -) _n | C. C ₂ H ₅ OH, (-C ₆ H ₁₀ O ₅ -) _n |
| B. CH ₃ COOH, C ₂ H ₅ OH | D. C ₂ H ₅ OH, CH ₃ COOC ₂ H ₅ |

Câu 7. Dãy nào sau đây gồm các chất đều có phản ứng với dung dịch axit clohidric tạo ra axit axetic?

- | |
|---|
| A. CH ₃ COOH, (-C ₆ H ₁₀ O ₅ -) _n , PE, CH ₃ COONa. |
| B. CH ₃ COOC ₂ H ₅ , C ₂ H ₅ OH, PVC, CH ₃ COONa. |

C. CH_3COOH , $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, $(\text{CH}_3\text{COO})_2\text{Mg}$.

D. CH_3COONa , $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$, $(\text{CH}_3\text{COO})_2\text{Mg}$.

Câu 8. Dãy nào sau đây gồm các chất đều tham gia phản ứng thủy phân?

A. Tinh bột, xenlulozơ, PVC

B. Tinh bột, xenlulozơ, protein, saccarozơ, chất béo

C. Tinh bột, xenlulozơ, protein, saccarozơ, glucozơ

D. Tinh bột, xenlulozơ, protein, saccarozơ, PE

PHẦN II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. (2,5 điểm)

Có các khí sau đựng riêng biệt trong mỗi bình không dán nhãn: C_2H_4 , HCl , Cl_2 , CH_4

Hãy nêu phương pháp hóa học để phân biệt mỗi bình đựng khí nào. Dụng cụ, hóa chất coi như có đủ. Viết các phương trình hóa học (nếu có).

Câu 10. (3, 5 điểm)

Có hỗn hợp A gồm rượu etylic và axit axetic.

Người ta thực hiện thí nghiệm với hỗn hợp A và thu được kết quả như sau:

- Nếu cho A phản ứng với natri dư thì sau phản ứng thu được 4,48 lít khí không màu .

- Nếu cho A phản ứng với Na_2CO_3 dư và dẫn khí tạo thành qua bình đựng nước vôi trong dư thì thu được 10 gam kết tủa.

1. Hãy viết các phương trình hoá học.

2. Tính phần trăm khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp A.

Các thể tích khí đều được đo ở điều kiện tiêu chuẩn.

(Ca= 40, C= 12, H= 1, O = 16)

3

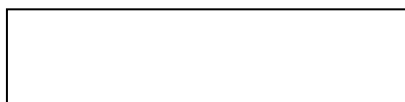
ĐỀ THI HỌC KỲ II

MÔN : HÓA HỌC 9

Thời gian : 45 phút (không kể thời gian giao đề)

PHẦN I : TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1 : (1 điểm) Chọn một đáp án đúng



Đề thi HKII

Đề 4

Môn: Hoá học 9 - Đề 2

Câu 1: Viên than tổ ong được tạo với nhiều lỗ nhỏ nhằm mục đích nào sau đây:

- A. Trông đẹp mắt
 B. Để có thể treo khi phơi
 C. Để than tiếp xúc với nhiều không khí giúp than cháy hoàn toàn
 D. Để giảm trọng lượng

Câu 2: Dẫn các khí CH_4 , $\text{CH}_2=\text{CH}_2$, $\text{CH}_3-\text{CH}=\text{CH}_2$ qua nước clo. Phương trình hoá học của phản ứng là:

- A. $\text{CH}_2=\text{CH}_2 + \text{Cl}_2 \rightarrow \text{CH}_2\text{Cl}-\text{CH}_2\text{Cl}$
 B. $\text{CH}_4 + \text{Cl}_2 \rightarrow \text{CH}_3\text{Cl} + \text{HCl}$
 C. $\text{CH}_3-\text{CH}=\text{CH}_2 + \text{Cl}_2 \rightarrow \text{CH}_3-\text{CHCl}-\text{CH}_2\text{Cl}$
 D. Cả A và C

Câu 3: Thành phần % cacbon trong các chất nào sau đây là cao nhất:

- A. CH_3Cl
 B. CHCl_3
 C. CH_4
 D. CH_2Cl_2

Câu 4: Cho hơi nước đi qua 1 tấn than nóng đỏ (chứa 92% cacbon) thu được hỗn hợp khí, hiệu suất phản ứng đạt 85%. Dẫn hỗn hợp khí thu được ở trên để khử sắt (III) oxit ở nhiệt độ cao. Khối lượng sắt thu được là:

- A. ≈ 4870 kg
 B. ≈ 4860 kg
 C. $\approx 4900,8$ kg
 D. Kết quả khác

Câu 5: Khí X có tỉ khối đối với oxi bằng 1,0625. Đốt 3,4g khí X thu được 2,24 lít SO_2 (đktc) và 1,8g H_2O . Công thức phân tử của X là:

- A. SO_3
 B. SO_2
 C. H_2S
 D. Đáp án khác

Câu 6: Có 3 lọ mất nhãn đựng 1 trong các dung dịch sau: glucôzơ, rượu etylic, axit axetic. Hai hoá chất để nhận biết được chất chứa trong từng lọ là:

- A. Dung dịch NaOH và dung dịch AgNO_3 trong NH_3 dư
 B. Quỳ tím và dung dịch AgNO_3 trong NH_3 dư
 C. Na và dung dịch AgNO_3 trong NH_3 dư
 D. Quỳ tím và natri

Câu 7: Cho 12,8 g kim loại M phản ứng vừa đủ với 4,48 lít khí Cl_2 (đktc) tạo ra 1 muối có công thức là MCl_2 . Vậy M là kim loại:

- A. Mg
 B. Zn
 C. Cu
 D. Fe

Câu 8: Có 2 mảnh lụa bề ngoài giống nhau, một mảnh làm bằng tơ tằm và một mảnh được chế tạo từ gỗ bạch đàn. Chọn cách đơn giản để phân biệt chúng trong các cách sau:

- A. Giặt rồi phơi, mảnh nào mau khô hơn, mảnh đó làm bằng tơ tằm
 B. Ngâm vào nước xem mảnh nào ngấm nước nhanh hơn là làm từ gỗ
 C. Đốt một mẫu, có mùi khét là làm bằng tơ tằm
 D. Không thể phân biệt được

Câu 9: Biết 0,1 hidrocacbon X phản ứng vừa đủ với 200ml dung dịch Cl_2 1M. Vậy X là chất nào sau đây:

- A. C_2H_2
 B. C_6H_6
 C. CH_4
 D. C_2H_4

Câu 10: Dung dịch nào sau đây ăn mòn thủy tinh:

- A. Dung dịch HNO₃ B. Dung dịch H₂SO₄ C. Dung dịch NaOH đặc
D. Dung dịch HF

Câu 11: Có các chất sau: CH₄ (1), CH₃-CH₃ (2), CH₂=CH₂ (3), CH₃-CH=CH₂ (4).

Những chất có phản ứng trùng hợp là:

- A. (1), (3), (4) B. (3), (4) C. (2), (3), (4) D. (1), (2), (3)

Câu 12: Cho hỗn hợp gồm 1,6g rượu A và 2,3g rượu B là 2 rượu no đơn chức kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng tác dụng với Na cho 1,12 lít khí H₂ (đktc). Công thức phân tử của 2 rượu là:

- A. C₂H₅OH, C₃H₇OH B. CH₃OH, C₂H₅OH C. C₃H₇OH, C₄H₉OH
D. Đáp án khác

Câu 13: Đốt cháy V lít khí thiên nhiên chứa 96% CH₄, 2% N₂, 2% CO₂ về thể tích. Toàn bộ sản phẩm cháy được dẫn qua dung dịch Ca(OH)₂ dư thấy tạo ra 4,9g kết tủa. Giá trị của V (đktc) là:

- A. 1,12 lít B. 4,48 lít C. 3,36 lít D. 2,24 lít

Câu 14: Phân tử C₅H₁₂ ứng với bao nhiêu chất có công thức cấu tạo khác nhau :

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 15: Chất A là một glucit có phản ứng thủy phân: $A \xrightarrow{\text{axit}} H_2O$ 2B. A có công thức phân tử:

- A. C₁₂H₂₂O₁₁ B. C₆H₁₂O₆ C. (-C₆H₁₀O₅-)_n D. Không xác định được

Câu 16: Cặp chất nào sau đây đều có phản ứng tráng gương:

- A. HCOOH và HCOONa B. C₆H₅ONa và HCOONa
C. HCOOH và C₆H₅COOH D. CH₃COOH và HCOOH

Câu 17: Tính chất hoá học nào sau đây là của phi kim:

- A. Tác dụng được với axit tạo thành muối và giải phóng hiđro
B. Tác dụng được với bazơ tạo thành muối
C. Tác dụng được với kim loại tạo thành muối
D. Tác dụng được với oxi tạo thành oxit bazơ

Câu 18: Trong phân tử metan có:

- A. 2 liên kết đơn C-H và 2 liên kết đôi C=H B. 1 liên kết đôi C=H và 3 liên kết đơn C-H
C. 1 liên kết đơn C-H và 3 liên kết đôi C=H D. 4 liên kết đơn C-H

Câu 19: Có 3 dung dịch hỗn hợp: (1) NaHCO₃ và Na₂CO₃; (2) NaHCO₃ và Na₂SO₄; (3) Na₂CO₃ và Na₂SO₄. Chỉ dùng thêm cặp dung dịch nào sau đây để nhận biết:

- A. K₂SO₄ và H₂SO₄ B. Ba(NO₃)₂ và H₂SO₄ C. KCl và NaOH D. KCl và HCl

Câu 20: Trong các chất sau, chất nào thoả mãn đặc điểm cấu tạo: có liên kết đôi trong phân tử, có phản ứng thế là phản ứng đặc trưng ?

- A. CH₄ B. C₂H₄ C. C₂H₂ D. C₆H₆

Câu 21: Khí CO₂ sinh ra khi lên men rượu một lượng glucôzơ được dẫn vào dung dịch Ca(OH)₂ dư thu được 40g kết tủa. Nếu hiệu suất phản ứng lên men đạt 80% thì khối lượng rượu etylic thu được là:

- A. 16,4g B. 16,8g C. 18,4g D. 17,4g

Câu 22: Có 2 lọ mất nhãn đựng các dung dịch C₂H₅OH và CH₃COOH. Hoá chất nào sau đây không thể phân biệt 2 lọ đó:

- A. Quỳ tím B. Dung dịch Na₂CO₃ C. Na D. Cả A và B

Câu 23: Đốt cháy hoàn toàn 1 thể tích gồm C₂H₆ và C₂H₂ thu được CO₂ và nước với tỉ lệ số mol là 1:1. Phần trăm thể tích mỗi khí trong hỗn hợp đầu là:

- A. 25% và 75% B. 70% và 30% C. 30% và 70% D. 50% và 50%

Câu 24: Cho 8,7g MnO₂ tác dụng hết với dung dịch HCl đặc thu được 1,9 lít khí Cl₂ (đktc) theo phương trình hoá học: MnO₂ + HCl → MnCl₂ + Cl₂ + 2H₂O

Hiệu suất của phản ứng là:

- A. 70% B. 75% C. 80% D. 85%

Câu 25: Khí CO sinh ra thường có lẫn khí CO₂. Phương pháp nào có thể thu được khí CO trong phòng thí nghiệm:

- A. Dùng canxi oxit CaO B. Dùng nhiệt độ
C. Dùng dung dịch H₂SO₄ D. Tất cả đều sai

Câu 26: Xà phòng được điều chế bằng cách:

- A. Thủy phân chất béo trong môi trường axit B. Phân huỷ chất béo
C. Thủy phân chất béo trong môi trường kiềm D. Cả 2 cách trên

Câu 27: Đốt cháy hoàn toàn 10cm³ một hợp chất hữu cơ M ở thể khí phải dùng hết 225cm³ không khí (chứa 20% thể tích O₂) thu được 30cm³ CO₂ 30cm³ H₂O. Các thể tích khí đo cùng điều kiện. M có công thức phân tử nào sau đây:

- A. C₄H₈O B. C₃H₈ C. C₃H₄ D. C₃H₆

Câu 28: Tinh bột tan có phân tử khối khoảng 4050 đvC. Số mắt xích (-C₆H₁₀O₅-) trong phân tử tinh bột tan là:

- A. 30 B. 26 C. 32 D. 25

Câu 29: Khử hoàn toàn 24g hỗn hợp CuO và Fe₂O₃ có tỉ lệ mol 1:1 cần 8,96 lít khí CO (đktc). Phần trăm khối lượng CuO và Fe₂O₃ trong hỗn hợp lần lượt là:

- A. 33,33% và 66,67% B. 59,67% và 40,33%
C. 40,33% và 59,67% D. 66,67% và 33,33%

Câu 30: Điều khẳng định nào sau đây đúng:

- A. Trong chu kỳ khi đi từ trái sang phải, các nguyên tố được sắp xếp theo chiều điện tích hạt nhân tăng dần
B. Trong chu kỳ, tất cả đều có số lớp electron tăng dần
C. Trong chu kỳ khi đi từ trái sang phải, các nguyên tố được sắp xếp theo chiều nguyên tử khối tăng dần
D. Trong chu kỳ khi đi từ trái sang phải bán kính nguyên tử không thay đổi

Câu 22: Na_2CO_3 có lẫn tạp chất là NaHCO_3 . Dùng chất nào sau đây để loại bỏ tạp chất, thu được Na_2CO_3 tinh khiết:

- A. Trung hoà bằng lượng NaOH dư rồi cô cạn B. Cho tác dụng với dung dịch HCl dư rồi cô cạn
C. Hoà tan vào nước rồi lọc D. Nung

Câu 23: Đốt cháy hoàn toàn 2 hidrocarbon mạch hở liên tiếp trong dãy đồng đẳng thu được 44g CO_2 và 12,6g H_2O . Hai hidrocarbon đó là:

- A. C_2H_4 , C_3H_6 B. C_5H_8 , C_6H_{10} C. C_3H_4 , C_4H_6 D. C_3H_8 , C_4H_{10}

Câu 24: Hai miếng sắt có khối lượng bằng nhau và bằng 2,8g. Một miếng cho tác dụng với Cl_2 và 1 miếng cho tác dụng với dung dịch HCl . Tổng khối lượng muối clorua thu được là:

- A. 14,475 g B. 14,245 g C. 12,137 g D. 16,125 g

Câu 25: Nguyên tố R tạo hợp chất khí với hidro ứng với công thức chung RH_3 , trong hợp chất này, H chiếm 17,64% về khối lượng. Nguyên tử khối của R là:

- A. 12 đvC B. 14 đvC C. 31 đvC D. 32 đvC

Câu 26: Đốt cháy hoàn toàn 1 mol hợp chất hữu cơ A có cấu tạo gồm C, H thu được 2 mol khí cacbonic và 3 mol nước. Công thức phân tử của A là:

- A. C_2H_2 B. C_2H_4 C. C_2H_6 D. Tất cả đều sai

Câu 27: Benzen và etilen đều có liên kết đôi trong phân tử. Etilen có thể làm mất màu dung dịch Brom. Benzen có tính chất đó không, vì sao ?

- A. Không. Vì nó có cấu tạo vòng khép kín, có 3 liên kết đôi $\text{C}=\text{C}$ xen kẽ 3 liên kết đơn $\text{C}-\text{C}$
B. Có. Vì nó có liên kết đôi trong phân tử
C. Có. Phản ứng mạnh hơn etilen vì nó có 3 liên kết đôi trong phân tử
D. Không. Vì nó có 3 liên kết đôi liên kề nhau

Câu 28: Một chất khí có tính chất sau: Nặng hơn không khí, không duy trì sự cháy, làm đục nước vôi trong. Chất khí đó là:

- A. CO_2 B. NO_2 C. O_2 D. Cl_2

Câu 29: Đốt cháy 1 lít khí X cần 5 lít khí Oxi, sau phản ứng thu được 3 lít CO_2 và 4 lít hơi nước. Các thể tích khí và hơi nước đo ở cùng điều kiện. X có công thức cấu tạo nào sau đây:

- A. $\text{CH}_3 - \text{CH}_2 - \text{CH}_3$ B. $\text{CH}_3 - \text{CH}_3$ C. $\text{CH}_3 - \text{CH}_2 - \text{CH}_2 - \text{CH}_3$
D. $\text{CH}_3 - \text{CH} = \text{CH}_2$

Câu 30: Có 2 mảnh lụa bề ngoài giống nhau, một mảnh làm bằng tơ tằm và một mảnh được chế tạo từ gỗ bạch đàn. Chọn cách đơn giản để phân biệt chúng trong các cách sau:

- A. Giặt rồi phơi, mảnh nào mau khô hơn, mảnh đó làm bằng tơ tằm
B. Ngâm vào nước xem mảnh nào ngấm nước nhanh hơn là làm từ gỗ
C. Đốt một mẫu, có mùi khét là làm bằng tơ tằm
D. Không thể phân biệt được

Họ, tên học sinh
Lớp

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT
MÔN HOÁ HỌC 9
Thời gian làm bài: 45 phút;

Phần 1: Trắc nghiệm:

Câu 1: Để phân biệt dung dịch HNO_3 và dung dịch H_2SO_4 cần:

- A. Dùng dung dịch KOH
B. Dùng dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$
C. Dùng Phenoltalein
D. Dùng dung dịch NaOH

Câu 2: Lưu huỳnh đioxit phản ứng với tất cả các chất trong dãy chất nào sau đây:

- A. Na_2O , CuO , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, $\text{Ba}(\text{OH})_2$
B. K_2O , CaO , KOH , $\text{Ca}(\text{OH})_2$,
C. NaOH , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, HCl , H_2SO_4
D. NaOH , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, $\text{Fe}(\text{OH})_2$, $\text{Fe}(\text{OH})_3$

Câu 3: Dãy các chất đều tác dụng với dd H_2SO_4 loãng là:

- A. Na_2O , CaO , NaOH , $\text{Cu}(\text{OH})_2$
B. CaO , Fe_2O_3 , P_2O_5 , NaOH
C. HCl , Na_2O , Fe_2O_3 , $\text{Fe}(\text{OH})_3$
D. Na_2O , CuO , SO_2 , CO_2

Câu 4: Để phân biệt ba chất bột màu trắng: MgO , K_2O , ZnO . Dùng phương án nào sau đây:

- A. Dùng dung dịch HNO_3
B. Dùng dung dịch H_2SO_4
C. Dùng nước
D. Dùng dung dịch HCl

Câu 5: Cần phải điều chế một lượng muối đồng sunfat phương pháp tiết kiệm axit sunfuric là:

- A. Axit sunfuric tác dụng với đồng oxit
B. Axit sunfuric đặc nóng tác dụng với đồng.

Câu 6: Canxi oxit phản ứng với tất cả các chất trong dãy chất nào sau đây:

- A. SO_3 , Fe_2O_3 , HNO_3 , NaOH
B. CO_2 , $\text{Mg}(\text{OH})_2$, HNO_3 , KOH
C. P_2O_5 , $\text{Cu}(\text{OH})_2$, H_2SO_4 , KOH
D. SO_2 , H_2SO_4 , HNO_3 , SO_3

Câu 7: Để phân biệt dd NaCl và dd Na_2SO_4 cần:

- A. Dùng dd BaCl_2
B. Dùng dd H_2SO_4
C. Dùng quì tím
D. Dùng dd ZnCl_2

Câu 8: Khí CO dùng làm chất đốt trong công nghiệp có lẫn CO_2 , SO_2 . Để loại CO_2 và SO_2 người ta chọn hoá chất nào rẻ tiền sau đây:

- A. Dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$
B. Dung dịch HCl
C. Dung dịch nước vôi trong
D. Dung dịch NaOH

Câu 9: Để phân biệt hai chất bột màu trắng là CaO và P_2O_5 người ta dùng phương án nào sau đây:

- A. Dùng dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$
B. Dùng dung dịch HCl
C. Dùng nước và quì tím
D. Dùng nước

Câu 10: Dãy các chất đều tác dụng với dd HCl là:

- A. CO_2 , NaOH , CuO , Fe_2O_3
B. CaO , Na_2O , CuO , $\text{Fe}(\text{OH})_3$
C. SO_2 , KOH , CuO , Al_2O_3
D. SO_3 , $\text{Cu}(\text{OH})_2$, NaOH

Câu 11: Dãy các chất đều tác dụng với dd $\text{Ca}(\text{OH})_2$ là:

- A. K_2O , CO_2 , H_2SO_4 , NaCl
B. Na_2O , SO_2 , SO_3 , HCl
C. CO_2 , SO_2 , SO_3 , HNO_3
D. CuO , SO_2 , P_2O_5 , HNO_3

Câu 12: Khí lưu huỳnh đioxit được tạo thành từ những cặp chất nào sau đây:

A. Na_2SO_3 và H_2SO_4 loãng

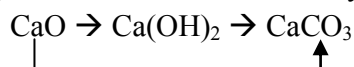
B. Na_2SO_3 và KNO_3

C. K_2SO_3 và NaOH

D. K_2SO_4 và HNO_3

Phân 2: Tự luận

1. Viết phương trình hoá học thực hiện chuyển đổi sau:



2. Hoà tan 40 g SO_3 vào 160 gam nước được dd A.

a. Viết phương trình hoá học và tính nồng độ phần trăm của chất tan trong dd A.

b. Trung hoà dd A bằng dd NaOH 10%, tính khối lượng dd NaOH cần dùng

c. Nếu thay dd NaOH bằng dd KOH 5.6% ($d = 1.05\text{g/ml}$). Tính thể tích dd KOH cần dùng.

Cho $\text{Na} = 23, \text{O} = 16, \text{H} = 1, \text{K} = 39, \text{S} = 32$.

ĐỀ 7

Họ, tên học sinh

Lớp

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT

MÔN HOÁ HỌC 9

Thời gian làm bài: 45 phút;

Câu 1: Lưu huỳnh đioxit phản ứng với tất cả các chất trong dãy chất nào sau đây:

A. $\text{NaOH}, \text{Ca(OH)}_2, \text{Fe(OH)}_2, \text{Fe(OH)}_3$

B. $\text{NaOH}, \text{Ca(OH)}_2, \text{HCl}, \text{H}_2\text{SO}_4$

C. $\text{K}_2\text{O}, \text{CaO}, \text{KOH}, \text{Ca(OH)}_2$,

D. $\text{Na}_2\text{O}, \text{CuO}, \text{Ca(OH)}_2, \text{Ba(OH)}_2$

Câu 2: Canxi oxit phản ứng với tất cả các chất trong dãy chất nào sau đây:

A. $\text{P}_2\text{O}_5, \text{Cu(OH)}_2, \text{H}_2\text{SO}_4, \text{KOH}$

B. $\text{SO}_2, \text{H}_2\text{SO}_4, \text{HNO}_3, \text{SO}_3$

C. $\text{CO}_2, \text{Mg(OH)}_2, \text{HNO}_3, \text{KOH}$

D. $\text{SO}_3, \text{Fe}_2\text{O}_3, \text{HNO}_3, \text{NaOH}$

Câu 3: Khí CO dùng làm chất đốt trong công nghiệp có lẫn CO_2, SO_2 . Để loại CO_2 và SO_2 người ta chọn hoá chất nào rẻ tiền sau đây:

A. Dung dịch NaOH

B. Dung dịch Ba(OH)_2

C. Dung dịch HCl

D. Dung dịch nước vôi trong

Câu 4: Để phân biệt hai chất bột màu trắng là CaO và P_2O_5 người ta dùng phương án nào sau đây:

A. Dùng dung dịch HCl

B. Dùng nước và quỳ tím

C. Dùng dung dịch Ca(OH)_2

D. Dùng nước

Câu 5: Để phân biệt dung dịch HNO_3 và dung dịch H_2SO_4 cần:

A. Dùng dung dịch NaOH

B. Dùng Phenoltalein

C. Dùng dung dịch KOH

D. Dùng dung dịch Ba(OH)_2

Câu 6: Để phân biệt ba chất bột màu trắng: $\text{MgO}, \text{K}_2\text{O}, \text{ZnO}$. Dùng phương án nào sau đây:

A. Dùng dung dịch HCl

B. Dùng dung dịch HNO_3

C. Dùng dung dịch H_2SO_4

D. Dùng nước

Câu 7: Cần phải điều chế một lượng muối đồng sunfat phương pháp tiết kiệm axit sunfuric là:

A. Axit sunfuric tác dụng với đồng oxit

B. Axit sunfuric đặc nóng tác dụng với đồng.

C. CaO, Fe₂O₃, P₂O₅, NaOH

D. Na₂O, CaO, NaOH, Cu(OH)₂

Câu 3: Canxi oxit phản ứng với tất cả các chất trong dãy chất nào sau đây:

A. SO₂, H₂SO₄, HNO₃, SO₃

B. P₂O₅, Cu(OH)₂, H₂SO₄, KOH

C. CO₂, Mg(OH)₂, HNO₃, KOH

D. SO₃, Fe₂O₃, HNO₃, NaOH

Câu 4: Để phân biệt dd NaCl và dd Na₂SO₄ cần:

A. Dùng dd ZnCl₂

B. Dùng dd BaCl₂

C. Dùng quì tím

D. Dùng dd H₂SO₄

Câu 5: Để phân biệt dung dịch HNO₃ và dung dịch H₂SO₄ cần:

A. Dùng dung dịch KOH

B. Dùng dung dịch Ba(OH)₂

C. Dùng dung dịch NaOH

D. Dùng Phenoltalein

Câu 6: Dãy các chất đều tác dụng với dd HCl là:

A. SO₃, Cu(OH)₂, NaOH

B. CO₂, NaOH, CuO, Fe₂O₃

C. CaO, Na₂O, CuO, Fe(OH)₃

D. SO₂, KOH, CuO, Al₂O₃

Câu 7: Khí CO dùng làm chất đốt trong công nghiệp có lẫn CO₂, SO₂. Để loại CO₂ và SO₂ người ta chọn hoá chất nào rẻ tiền sau đây:

A. Dung dịch NaOH

B. Dung dịch HCl

C. Dung dịch Ba(OH)₂

D. Dung dịch nước vôi trong

Câu 8: Dãy các chất đều tác dụng với dd Ca(OH)₂ là:

A. K₂O, CO₂, H₂SO₄, NaCl

B. CuO, SO₂, P₂O₅, HNO₃

C. Na₂O, SO₂, SO₃, HCl

D. CO₂, SO₂, SO₃, HNO₃

Câu 9: Để phân biệt ba chất bột màu trắng: MgO, K₂O, ZnO. Dùng phương án nào sau đây:

A. Dùng dung dịch H₂SO₄

B. Dùng nước

C. Dùng dung dịch HNO₃

D. Dùng dung dịch HCl

Câu 10: Khí lưu huỳnh đioxit được tạo thành từ những cặp chất nào sau đây:

A. K₂SO₄ và HNO₃

B. Na₂SO₃ và KNO₃

C. K₂SO₃ và NaOH

D. Na₂SO₃ và H₂SO₄ loãng

Câu 11: Để phân biệt hai chất bột màu trắng là CaO và P₂O₅ người ta dùng phương án nào sau đây:

A. Dùng nước

B. Dùng nước và quỳ tím

C. Dùng dung dịch HCl

D. Dùng dung dịch Ca(OH)₂

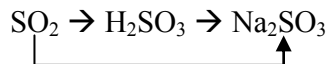
Câu 12: Cần phải điều chế một lượng muối đồng sunfat phương pháp tiết kiệm axit sunfuric là:

A. Axit sunfuric đặc nóng tác dụng với đồng.

B. Axit sunfuric tác dụng với đồng oxit

II. Phần tự luận (7đ)

1. Viết phương trình hoá học thực hiện chuyển đổi sau:



2. Hoà tan 60 g SO₃ vào 120 gam nước được dd A.

a. Viết phương trình hoá học và tính nồng độ phần trăm của chất tan trong dd A.

b. Trung hoà dd A bằng dd NaOH 20%, tính khối lượng dd NaOH cần dùng

c. Nếu thay dd NaOH bằng dd KOH 5.6% (d = 1.05g/ml). Tính thể tích dd KOH cần dùng.

Cho Na = 23, O = 16, H = 1, K = 39, S = 32.

----- HẾT -----

ĐỀ 9

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN HOÁ HỌC 9

Thời gian làm bài: 45 phút;

Câu 1: Lưu huỳnh đioxit phản ứng với tất cả các chất trong dãy chất nào sau đây:

- A. Na_2O , CuO , Ca(OH)_2 , Ba(OH)_2 B. K_2O , CaO , KOH , Ca(OH)_2 ,
C. NaOH , Ca(OH)_2 , Fe(OH)_2 , Fe(OH)_3 D. NaOH , Ca(OH)_2 , HCl , H_2SO_4

Câu 2: Canxi oxit phản ứng với tất cả các chất trong dãy chất nào sau đây:

- A. P_2O_5 , Cu(OH)_2 , H_2SO_4 , KOH B. SO_2 , H_2SO_4 , HNO_3 , SO_3
C. SO_3 , Fe_2O_3 , HNO_3 , NaOH D. CO_2 , Mg(OH)_2 , HNO_3 , KOH

Câu 3: Dãy các chất đều tác dụng với dd H_2SO_4 loãng là:

- A. Na_2O , CaO , NaOH , Cu(OH)_2 B. Na_2O , CuO , SO_2 , CO_2
C. HCl , Na_2O , Fe_2O_3 , Fe(OH)_3 D. CaO , Fe_2O_3 , P_2O_5 , NaOH

Câu 4: Khí CO dùng làm chất đốt trong công nghiệp có lẫn CO_2 , SO_2 . Để loại CO_2 và SO_2 người ta chọn hoá chất nào rẻ tiền sau đây:

- A. Dung dịch HCl B. Dung dịch NaOH
C. Dung dịch nước vôi trong D. Dung dịch Ba(OH)_2

Câu 5: Khí lưu huỳnh đioxit được tạo thành từ những cặp chất nào sau đây:

- A. K_2SO_3 và NaOH B. Na_2SO_3 và H_2SO_4 loãng
C. K_2SO_4 và HNO_3 D. Na_2SO_3 và KNO_3

Câu 6: Dãy các chất đều tác dụng với dd HCl là:

- A. SO_2 , KOH , CuO , Al_2O_3 B. SO_3 , Cu(OH)_2 , NaOH
C. CaO , Na_2O , CuO , Fe(OH)_3 D. CO_2 , NaOH , CuO , Fe_2O_3

Câu 7: Dãy các chất đều tác dụng với dd Ca(OH)_2 là:

- A. K_2O , CO_2 , H_2SO_4 , NaCl B. CO_2 , SO_2 , SO_3 , HNO_3
C. CuO , SO_2 , P_2O_5 , HNO_3 D. Na_2O , SO_2 , SO_3 , HCl

Câu 8: Để phân biệt dd NaCl và dd Na_2SO_4 cần:

- A. Dùng dd H_2SO_4 B. Dùng quỳ tím C. Dùng dd BaCl_2 D. Dùng dd ZnCl_2

Câu 9: Cần phải điều chế một lượng muối đồng sunfat phương pháp tiết kiệm axit sunfuric là:

- A. Axit sunfuric đặc nóng tác dụng với đồng. B. Axit sunfuric tác dụng với đồng oxit

Câu 10: Để phân biệt ba chất bột màu trắng: MgO , K_2O , ZnO . Dùng phương án nào sau đây:

- A. Dùng nước B. Dùng dung dịch HNO_3
C. Dùng dung dịch HCl D. Dùng dung dịch H_2SO_4

Câu 11: Để phân biệt hai chất bột màu trắng là CaO và P_2O_5 người ta dùng phương án nào sau đây:

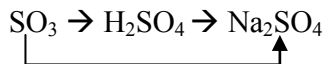
- A. Dùng dung dịch Ca(OH)_2 B. Dùng nước và quỳ tím
C. Dùng nước D. Dùng dung dịch HCl

Câu 12: Để phân biệt dung dịch HNO₃ và dung dịch H₂SO₄ cần:

- A. Dùng dung dịch NaOH
 B. Dùng Phenoltalein
 C. Dùng dung dịch KOH
 D. Dùng dung dịch Ba(OH)₂

II. Phần tự luận (7đ)

1. Viết phương trình hoá học thực hiện chuyển đổi sau:



2. Hoà tan 12.4 g Na₂O vào nước được 500 ml dd A.

- a. Viết phương trình hoá học và tính nồng độ mol của chất tan trong dd A.
 b. Trung hoà dd A bằng dd H₂SO₄ 9.8%, tính khối lượng dd H₂SO₄ cần dùng
 c. Nếu thay dd H₂SO₄ bằng dd HCl 14.6% (d = 1.05g/ml). Tính thể tích dd HCl cần dùng.

Cho Na = 23, O = 16, H = 1, K = 39, S = 32, Cl = 35.5.

----- HẾT -----

ĐỀ 10

**ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT
 MÔN HOÁ HỌC 9**

Thời gian làm bài: 45 phút;

Câu 1: Dãy các chất đều tác dụng với dd Ca(OH)₂ là:

- A. K₂O, CO₂, H₂SO₄, NaCl
 B. CuO, SO₂, P₂O₅, HNO₃
 C. Na₂O, SO₂, SO₃, HCl
 D. CO₂, SO₂, SO₃, HNO₃

Câu 2: Để phân biệt dd NaCl và dd Na₂SO₄ cần:

- A. Dùng dd H₂SO₄ B. Dùng dd ZnCl₂ C. Dùng dd BaCl₂ D. Dùng quì tím

Câu 3: Cần phải điều chế một lượng muối đồng sunfat phương pháp tiết kiệm axit sunfuric là:

- A. Axit sunfuric đặc nóng tác dụng với đồng. B. Axit sunfuric tác dụng với đồng oxit

Câu 4: Để phân biệt hai chất bột màu trắng là CaO và P₂O₅ người ta dùng phương án nào sau đây:

- A. Dùng dung dịch HCl B. Dùng nước
 C. Dùng dung dịch Ca(OH)₂ D. Dùng nước và quì tím

Câu 5: Để phân biệt ba chất bột màu trắng: MgO, K₂O, ZnO. Dùng phương án nào sau đây:

- A. Dùng dung dịch HNO₃ B. Dùng nước
 C. Dùng dung dịch HCl D. Dùng dung dịch H₂SO₄

Câu 6: Dãy các chất đều tác dụng với dd HCl là:

- A. SO₃, Cu(OH)₂, NaOH B. CaO, Na₂O, CuO, Fe(OH)₃
 C. CO₂, NaOH, CuO, Fe₂O₃ D. SO₂, KOH, CuO, Al₂O₃

Câu 7: Khí lưu huỳnh đioxit được tạo thành từ những cặp chất nào sau đây:

- A. K₂SO₄ và HNO₃ B. K₂SO₃ và NaOH
 C. Na₂SO₃ và KNO₃ D. Na₂SO₃ và H₂SO₄ loãng

Câu 8: Dãy các chất đều tác dụng với dd H₂SO₄ loãng là:

- A. CaO, Fe₂O₃, P₂O₅, NaOH
 B. HCl, Na₂O, Fe₂O₃, Fe(OH)₃
 C. Na₂O, CuO, SO₂, CO₂
 D. Na₂O, CaO, NaOH, Cu(OH)₂

Câu 9: 1. Canxi oxit phản ứng với tất cả các chất trong dãy chất nào sau đây:

- A. P₂O₅, Cu(OH)₂, H₂SO₄, KOH
 B. CO₂, Mg(OH)₂, HNO₃, KOH
 C. SO₂, H₂SO₄, HNO₃, SO₃
 D. SO₃, Fe₂O₃, HNO₃, NaOH

Câu 10: Lưu huỳnh đioxit phản ứng với tất cả các chất trong dãy chất nào sau đây:

- A. NaOH, Ca(OH)₂, HCl, H₂SO₄
 B. NaOH, Ca(OH)₂, Fe(OH)₂, Fe(OH)₃
 C. K₂O, CaO, KOH, Ca(OH)₂,
 D. Na₂O, CuO, Ca(OH)₂, Ba(OH)₂

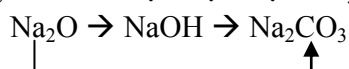
Câu 11: Khí CO dùng làm chất đốt trong công nghiệp có lẫn CO₂, SO₂. Để loại CO₂ và SO₂ người ta chọn hoá chất nào rẻ tiền sau đây:

- A. Dung dịch NaOH
 B. Dung dịch HCl
 C. Dung dịch nước vôi trong
 D. Dung dịch Ba(OH)₂

Câu 12: Để phân biệt dung dịch HNO₃ và dung dịch H₂SO₄ cần:

- A. Dùng Phenoltalein
 B. Dùng dung dịch Ba(OH)₂
 C. Dùng dung dịch KOH
 D. Dùng dung dịch NaOH

1. Viết phương trình hoá học thực hiện chuyển đổi sau:



2. Hoà tan 6.2 g Na₂O vào nước được 250 ml dd A.

- a. Viết phương trình hoá học và tính nồng độ mol của chất tan trong dd A.
 b. Trung hoà dd A bằng dd H₂SO₄ 4.9%, tính khối lượng dd H₂SO₄ cần dùng
 c. Nếu thay dd H₂SO₄ bằng dd HCl 18.25% (d = 1.05g/ml). Tính thể tích dd HCl cần dùng.

Cho Na = 23, O = 16, H = 1, K = 39, S = 32, Cl = 35.5.

----- HẾT -----

Đề 11

Họ, tên thí sinh

Số báo danh

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II .

Môn: Hoá học 9.

Thời gian làm bài: 45 phút.

Câu 1: Fe phản ứng được với dung dịch muối nào sau đây.

- A. CuSO₄.
 B. MgCl₂.
 C. NaCl.
 D. Fe(NO₃)₂.

Câu 2: Hoà tan 5,4 gam Al bằng một lượng dung dịch H₂SO₄ loãng (dư). Sau phản ứng thu được dung dịch X và V lít khí hidro (ở đktc). Giá trị của V là (Cho H = 1, Al = 27)

- A. 2,24 lít.
 B. 3,36 lít.
 C. 6,72 lít.
 D. 4,48 lít.

Câu 3: Chất có thể tác dụng với nước tạo thành dung dịch làm cho phenolphtalein không màu chuyển thành hồng (đỏ nhạt) là:

- A. CO₂.
 B. FeO.
 C. K₂O.
 D. P₂O₅.

Câu 4: Để điều chế NaOH trong công nghiệp người ta dùng phản ứng nào là hợp lý nhất:

- A. Cho Na hoặc Na₂O pứ nước.
 B. Điện phân dd NaCl bão hoà, có màng ngăn.

C. Cho dd Na_2CO_3 pứ với dd $\text{Ca}(\text{OH})_2$. D. Tất cả các cách đó.

Câu 5: Để phân biệt CO_2 , CO ta dùng thuốc thử là:

A. Dung dịch H_2SO_4 loãng. B. Dung dịch BaCl_2 .
C. Dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$. D. Dung dịch NaOH .

Câu 6: Phát biểu nào sau đây là đúng.

A. pH càng lớn tính bazơ càng giảm, pH càng nhỏ tính bazơ càng tăng.
B. Môi trường trung tính thì $\text{pH} = 7$, $\text{pH} > 7$, $\text{pH} < 7$ không ảnh hưởng gì đến độ mạnh axit hay bazơ.
C. Môi trường trung tính thì $\text{pH} = 7$, môi trường bazơ thì $\text{pH} < 7$, môi trường là axit thì $\text{pH} > 7$
D. pH càng nhỏ tính axit càng mạnh, pH càng lớn tính bazơ càng tăng.

Câu 7: Phản ứng hoá học nào sau đây luôn luôn xảy ra.

A. Phản ứng trao đổi B. Phản ứng phân huỷ muối.
C. Phản ứng trung hoà. D. Phản ứng thế.

Câu 8: Trong những dãy oxit sau, dãy gồm toàn các oxit tác dụng với nước tạo thành dung dịch kiềm là:

A. CuO , CaO , Na_2O , K_2O . B. CaO , Na_2O , K_2O , BaO .
C. Na_2O , BaO , CuO , MnO_2 . D. MgO , Fe_2O_3 , ZnO , PbO .

Câu 9: Có những chất sau: Na_2O , NaOH , CO_2 , H_2O . Số cặp chất phản ứng được với nhau là:

A. 4. B. 3. C. 5. D. 2.

Câu 10: Dãy chất nào sau đây gồm toàn hidrocarbon:

A. C_2H_4 , C_2H_6 , C_6H_6 , C_4H_8 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$. B. CH_4 , C_2H_4 , C_2H_2 , C_6H_6 , C_4H_8 .
C. CH_4O , $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$, C_2H_6 , C_6H_6 , C_4H_8 D. CH_4 , C_2H_4 , $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$, C_6H_6 , C_4H_8 .

Câu 11: Fe phản ứng với H_2SO_4 loãng và H_2SO_4 đặc nóng thì tạo được các muối trong đó Fe có hoá trị lần lượt là:

A. II và III B. III và III. C. III và II. D. II và II.

Câu 12: Oxit bazơ dễ bị H_2 khử ở nhiệt độ cao tạo thành kim loại là

A. K_2O . B. CuO . C. Na_2O . D. Al_2O_3 .

Câu 13: Giả sử có các dung dịch hỗn hợp sau, dung dịch hỗn hợp nào là có tồn tại thực trong thực tế:

A. KNO_3 và CuSO_4 . B. KOH và HCl C. NaOH và MgSO_4 . D. BaCl_2 và Na_2SO_4 .

Câu 14: Chu kỳ gồm các nguyên tố hoá học.

A. Có cùng số e lớp ngoài cùng. B. Có cùng tính chất hoá học.
C. Có cùng số lớp e. D. Có cùng hoá trị.

Câu 15: Để xác định thứ tự các kim loại trong dãy hoạt động hoá học của kim loại ta dùng phản ứng hoá học nào sau đây.

A. Phản ứng ôxi hoá-khử. B. Phản ứng trao đổi.
C. Phản ứng hoá hợp. D. Phản ứng thế.

Câu 16: NaOH rắn thì hút ẩm mạnh, nên nó được dùng làm khô khí nào trong các khí sau đây.

A. CO_2 ẩm. B. Cl_2 ẩm. C. NH_3 ẩm. D. SO_2 ẩm.

Câu 17: Fe thể hiện hoá trị III khi phản ứng với:

A. H_2SO_4 đặc nóng, HNO_3 , S, Cl_2 . B. Phi kim, axit HCl , H_2O .

C. Dung dịch muối, H₂SO₄ đặc nóng. D. Cl₂, Br₂, H₂SO₄ đặc nóng.

Câu 18: Lưu huỳnh đi oxit tạo thành từ các cặp phản ứng nào sau đây:

A. CaSO₃ và NaCl. B. CaSO₃ và HCl C. CaSO₃ và NaOH D. CaSO₄ và HCl.

Câu 19: Dãy chất nào sau đây gồm toàn oxit bazơ.

A. CuO, CaO, MgO, Na₂O. B. CaO, CO₂, K₂O, Na₂O.
C. CuO, CO, MgO, CaO. D. K₂O, FeO, N₂O, SO₂.

Câu 20: Có thể phân biệt 3 dung dịch: KOH, HCl, H₂SO₄ (loãng) bằng một thuốc thử là

A. giấy quỳ tím. B. Cu. C. Zn. D. BaCO₃.

Câu 21: Có 4 kim loại A, B, C, D Hãy cho biết thứ tự các kim loại đó trong dãy hoạt động của kim loại biết.

+Chỉ có A, B và D phản ứng với HCl sinh ra khí H₂. +A đẩy được D ra khỏi dung dịch muối của D.
+Chỉ có B phản ứng với nước sinh ra kiềm và H₂. +C không phản ứng được với dung dịch H₂SO₄.

A. C, D, A, B B. B, A, D, C C. B, A, C, D D. A, B, C, D

Câu 22: Tính chất hóa học đặc trưng của C₂H₄ là.

A. Phản ứng trùng hợp B. Phản ứng cháy. C. Phản ứng cộng. D. Phản ứng thế.

Câu 23: Đốt cháy 0,1 mol hidrocarbon A thu được 8,8 gam khí CO₂ và 5,4 gam H₂O. CTPT của A là:

A. C₂H₂. B. C₂H₆. C. C₂H₄. D. CH₄.

Câu 24: Những chất nào sau đây đều phản ứng với Na.

A. CH₃COOH, H₂O và CH₃COOC₂H₅. B. C₂H₅OH, C₆H₁₂O₆ và CH₃COOC₂H₅.
C. CH₃COOH, C₆H₁₂O₆ và C₂H₅OH. D. CH₃COOH, H₂O và C₂H₅OH

Câu 25: Đồng (Cu) tác dụng được với dung dịch

A. H₂SO₄ loãng. B. H₂SO₄ đặc, nóng. C. FeSO₄. D. HCl.

Câu 26: Bazơ không bị phân huỷ bởi nhiệt độ cao là:

A. Ba(OH)₂. B. Cu(OH)₂. C. Mg(OH)₂. D. Tất cả các bazơ đó.

Câu 27: Các CTCT nào sau đây là biểu diễn cùng một chất.

a)CH₃-CH₂-CH=CH-CH(CH₃)-CH₃. c)CH₃-CH₂-CH₂-CH=CH-CH₂-CH₃.
b)CH₃-CH₂-CH=CH-CH₂-CH₂-CH₃ d)CH₃-CH(CH₃)-CH₂-CH=CH-CH₂-CH₃.

A. a và b B. b và c C. c và d D. a và d

Câu 28: Người ta có thể dùng bình Al để đựng axit.

A. H₂SO₄ loãng nóng. B. H₂SO₄ đặc, nóng. C. H₂SO₄ loãng nguội. D. H₂SO₄ đặc nguội.

Câu 29: Trong các CTCT sau thì những CTCT nào viết sai.

a)CH₃-CH₃-CH₂-CH₃. b)CH₃-CH₂-CH₂-CH₃. c)CH₂-CH₂-CH₃. d)CH₄-CH₂-CH₃.
A. b và d B. b và a C. c và d D. a và c

Câu 30: Vôi sống được bảo quản trong bao kín. Nếu không lâu ngày trong không khí vôi sống sẽ “hoá đá” là do phản ứng nào sau đây.

A. CaO + H₂O → Ca(OH)₂ B. CaO + SiO₂ → CaSiO₃
C. CaO + 2HCl → CaCl₂ + H₂O. D. CaO + CO₂ → CaCO₃